

Số: 21 /2025/QĐST-HNGĐ

Sơn Trà, ngày 11 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ các điều 55, 58, 81, 82, 83 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 03 tháng 02 năm 2025 tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 18/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình:

- Ông **Võ Văn T** - sinh năm: 1988. Địa chỉ: Tổ B, phường A, quận S, TP ..
- Bà **Phạm Đỗ Kiều N** - sinh năm: 1989. Địa chỉ Tổ B, phường A, quận S, TP ..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N kết hôn vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 68, quyển số 01 ngày 16 tháng 6 năm 2010. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ B phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do tính tình không hợp, không có trách nhiệm và không quan tâm nhau. Nay ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn thương

yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau nên ông, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông bà được thuận tình ly hôn.

Xét thấy, ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N đã thật sự tự nguyện thuận tình ly hôn, mâu thuẫn giữa ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không tồn tại trên thực tế nên cần áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận đơn yêu cầu thuận tình ly hôn của ông bà.

[2] Về quan hệ con chung: Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N xác nhận vợ chồng có 02 con chung là: Võ Phạm Thảo V, sinh ngày 09/02/2011 và Võ Văn Nguyên V1, sinh ngày 24/01/2013. Sau khi ly hôn, ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N thống nhất thỏa thuận:

Bà Phạm Đỗ Kiều N nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là: Võ Phạm Thảo Vy, sinh ngày 09/02/2011 và Võ Văn Nguyên V1, sinh ngày 24/01/2013 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mỗi con 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi 02 con lần lượt đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N tự nguyện thỏa thuận về người nhận trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên cần áp dụng Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận thỏa thuận nuôi con chung của ông bà.

[3] Về tài sản chung: Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N xác nhận không có tài sản chung.

[4] Về nợ chung: Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N xác nhận không có nợ chung.

[5] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0003233 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N đã nộp đủ lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 68 ngày 16 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng không còn giá trị pháp lý

- **Về quan hệ con chung:** Công nhận sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N như sau:

Bà Phạm Đỗ Kiều N nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung là: Võ Phạm Thảo Vy, sinh ngày 09/02/2011 và Võ Văn Nguyên V1, sinh ngày 24/01/2013 cho đến khi 02 con chung đủ 18 tuổi. Ông Võ Văn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), mỗi con 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm ngàn đồng). Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ tháng 02 năm 2025 cho đến khi 02 con lần lượt đủ 18 tuổi. Cấp dưỡng vào ngày 20 hàng tháng.

Bên không nuôi con có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền làm đơn xin thay đổi người nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

- **Về tài sản chung:** Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N cùng xác nhận không có.

- **Về nợ chung:** Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N cùng xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N mỗi người phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) đã nộp tại biên lai thu số 0003233 ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng. Như vậy, ông Võ Văn T và bà Phạm Đỗ Kiều N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng

chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND Q. Sơn Trà;
- Chi cục THADS Q. Sơn Trà;
- UBND phường An Hải Đông quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng;
- Các đương sự;
- Sở Tư pháp;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trương Thị Hai